

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-ST

Ngày: 05/9/2019

V/v “*Tranh chấp về hợp đồng
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Nhật Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Loan;

Ông Đỗ Văn Nhã;

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Thủy Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Nam Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim T - sinh năm 1975; Trú tại: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. (*Có mặt*)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M (tên gọi khác: N) - sinh năm 1969; Trú tại: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. (*Có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày đề ngày 26 tháng 3 năm 2019 (nộp Tòa án ngày 28 tháng 3 năm 2019); Biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 5 năm 2019; Biên bản đối chất ngày 24 tháng 7 năm 2019; Biên bản hòa giải ngày 12 tháng 8 năm 2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Kim T trình bày:*

Vào năm 2016, giữa bà và bà Nguyễn Thị M (tên thường gọi ở nhà là N) có quan hệ mua bán dầu, bà là người bán còn bà M là người mua dầu. Quá trình

mua bán, sau khi quyết toán cùng nhau thì bà có cho bà M nợ lại số tiền mua dầu là 14.500.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng*). Ngày 12 tháng 8 năm 2017 bà M có làm giấy nhận nợ thể hiện việc bà M có nợ bà số tiền 14.500.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) và giao giấy nhận nợ này cho bà giữ để làm tin. Sau khi viết giấy nhận nợ thì bà M đề nghị mỗi tháng sẽ trả cho bà 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) nhưng bà không đồng ý mà yêu cầu một tháng sau bà M phải trả cho bà hết số tiền nợ. Tháng 9 năm 2017, bà T có đến nhà bà M yêu cầu bà M trả tiền nhưng bà M không trả. Sau đó bà có đòi bà M nhiều lần nhưng bà M đều không trả. Bà xác định đây là khoản nợ cá nhân bà M không liên quan đến chồng bà M nên bà chỉ yêu cầu bà M trả nợ cho bà. Đến hiện tại, bà M vẫn chưa trả cho bà một khoản tiền nào nên bà yêu cầu bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà một lần toàn bộ số tiền còn nợ là 14.500.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng*); Về tiền lãi: Bà T không yêu cầu bà M phải trả lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 7 năm 2019; Biên bản đối chất ngày 24 tháng 7 năm 2019; Biên bản hòa giải ngày 12 tháng 8 năm 2019 và tại phiên tòa; bị đơn bà Nguyễn Thị M (tên gọi khác: N) trình bày:

Ngoài tên Nguyễn Thị M, bà có tên thường gọi ở nhà là N. Bà thừa nhận do mua dầu từ bà Trần Thị Kim T nên bà có nợ lại bà T một khoản tiền là 14.500.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng*). Ngày 12 tháng 8 năm 2017 bà có làm một giấy nhận nợ thể hiện việc bà nợ bà T số tiền 14.500.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) nêu trên và giao giấy nhận nợ này cho bà T làm tin. Bà xác định đây là khoản nợ cá nhân của bà chứ không liên quan đến chồng bà, bà chịu trách nhiệm trả cho bà T. Sau khi chót nợ thì bà xin bà T cho bà trả mỗi tháng 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) cho đến khi trả hết nợ, tuy nhiên bà T không đồng ý. Do bà không mua dầu của bà T nữa nên bà đã trả hết nợ cho bà T ngay trong tháng 8 năm 2017 (*về ngày trả tiền thì bà không nhớ chính xác ngày nào*), khi trả nợ chỉ có mình bà với bà T nên không có người làm chứng và do tin tưởng nên bà cũng không yêu cầu bà T phải làm giấy nhận tiền cũng không lấy lại giấy nhận nợ ngày 12 tháng 8 năm 2015. Nay bà T yêu cầu bà trả một lần toàn bộ số tiền nợ là 14.500.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng*), bà không đồng ý vì bà đã trả hết nợ cho bà T ngay trong tháng 8 năm 2017 rồi.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau:* Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Kim T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Kim T yêu cầu bà Nguyễn Thị M (tên gọi khác: N) phải trả cho bà số tiền nợ là 14.500.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng*). Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy khoản nợ bà T yêu cầu bà M trả xuất phát từ quan hệ mua bán dầu giữa bà T và bà M. Căn cứ Điều 428 Bộ luật Dân sự 2005; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp, xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

Trong các buổi làm việc cũng như tại các biên bản tại Tòa án, bị đơn khai ngoài tên Nguyễn Thị M, bà còn có tên gọi khác là N. Tại biên bản xác minh ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Công an xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa xác định bà Nguyễn Thị M (*sinh năm 1969*) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; hiện đang có mặt tại địa phương và bà Nguyễn Thị M còn có tên gọi khác là N. Vì vậy cần xác định bà Nguyễn Thị M còn có tên gọi khác là N.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị M (N) phải trả một lần toàn bộ số tiền nợ do mua dầu là 14.500.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) cho nguyên đơn theo giấy nhận nợ mà bị đơn tự viết vào ngày 12 tháng 8 năm 2017.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 7 năm 2019, biên bản đối chất ngày 24 tháng 7 năm 2019, biên bản hòa giải ngày 12 tháng 8 năm 2019; bị đơn bà Nguyễn Thị M (tên gọi khác: N) cũng thừa nhận vào năm 2016 giữa bà và bà Trần Thị Kim T có quan hệ mua bán dầu, bà T là người bán còn bà là người mua; sau khi quyết toán với nhau thì bà nợ lại bà T số tiền do mua dầu là 14.500.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng*), bà có làm giấy nhận nợ số tiền trên và giao cho bà T để làm tin. Bà xác định đây là khoản nợ riêng của bà, không liên quan đến chồng bà và bà chịu trách nhiệm trả cho bà T. Do không mua dầu của bà T nữa nên trong tháng 8 năm 2017 bà đã thanh toán hết số tiền

trên cho bà T (*về ngày trả tiền thì bà không nhớ chính xác ngày nào*). Tuy nhiên, việc bà M trình bày không được nguyên đơn thừa nhận, bà M cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh đối với phần trình bày của bà về việc bà đã thanh toán tiền cho bà T.

Căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 12 tháng 8 năm 2017 do bà Nguyễn Thị M tự lập giao cho bà Trần Thị Kim T và các lời khai của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án. Có đủ căn cứ kết luận: Bà Nguyễn Thị M (tên gọi khác: N) còn nợ bà Trần Thị Kim T số tiền là 14.500.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

Việc bà M không thanh toán tiền cho bà T đã vi phạm quy định về nghĩa vụ trả tiền của người mua được quy định tại Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005, làm ảnh hưởng quyền lợi của bà T nên bà T khởi kiện yêu cầu bà M trả tiền cho bà là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị M xác định khoản tiền nợ do mua dầu là nợ của mình bà Mỹ, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim T chỉ yêu cầu bà M trả nợ mà không yêu cầu chồng bà M cùng trả nợ nên không cần buộc chồng bà M phải liên đới cùng trả nợ.

Từ những nhận định và phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị M (tên gọi khác: N) phải trả một lần cho nguyên đơn bà Trần Thị Kim T toàn bộ số tiền mua dầu còn nợ là 14.500.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

[3] Về tiền lãi: Bà Trần Thị Kim T không yêu bà Nguyễn Thị M trả tiền lãi do chậm trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Yêu cầu của bà Trần Thị Kim T được chấp nhận nên bà T không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 428, 429, 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, án phí, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Kim T.

Buộc bà Nguyễn Thị M (tên gọi khác: N) phải trả cho bà Trần Thị Kim T số tiền 14.500.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 725.000đ (*Bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 362.500đ (*Ba trăm sáu mươi nghìn năm trăm đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006725 ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

3. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Vi Nhật Hoàng